TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1107/2018/DS-ST
Ngày: 31/8/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Nguyễn Kiên Hiển
2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 206/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2018/QĐST-DS ngày 07/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP D (Có mặt)
Trụ sở: Số A, đường B, Phường Y, Quận X, Thành phố H.

Bị đơn: Ông N.H.S, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số a, đường b, Phường N, Quận 3, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP D trình bày:

Căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP D (sau đây gọi tắt là Ngân hàng D), Giấy đề nghị cấp thẻ ngày 30/11/2010 của ông N.H.S, các văn bản của ông S ký với Ngân hàng D về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 27/12/2010, Ngân hàng D đồng ý cấp tín dụng cho ông S số thẻ: 5459 6816 1000 1069, hạn mức thẻ 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng, hiệu lực thẻ 3 năm (từ ngày 27/12/2010 đến 27/12/2013), mục đích: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Bản các điều khoản và

điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D. Từ khi ông S sử dụng thẻ đến nay, lãi suất là 25,8%năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông S đã sử dụng rút tiền mặt là 33.000.000 đồng, giao dịch thanh toán bằng thẻ là 5.924.000 đồng và đã thanh toán được cho Ngân hàng D số tiền là 30.950.000 đồng. Tuy nhiên, ông S đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng D theo bảng thông báo giao dịch hàng tháng nên ngày 18/02/2013, Ngân hàng D đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và chấm dứt thẻ của ông S.

Do ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 12/12/2017, Ngân hàng D gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 3, tính đến ngày 01/02/2018 ông S còn nợ Ngân hàng D các khoản sau: Vốn là 13.703.241 đồng, lãi quá hạn là 27.500.516 đồng, tổng cộng 41.203.757 (Bốn mươi mốt triệu hai trăm lẻ ba ngàn bảy trăm tám mươi bảy) đồng. Đối với lãi quá hạn của ông S được tính theo từng thời kỳ theo quy định tại khoản 5.5 Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D, cụ thể: Lãi quá hạn từ ngày 14/11/2011 đến ngày 11/6/2017 là 38,7%/năm; từ ngày 12/6/2017 đến ngày 01/02/2018 là 43,5%. Đồng thời ông S còn phải trả số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại "Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D" do Ngân hàng D phát hành đính kèm thẻ tín dụng. Ông S phải trả nợ cho Ngân hàng D theo thứ tự sau: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP D trình bày: Ngân hàng D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông N.H.S phải thanh toán cho Ngân hàng D số tiền nợ gốc là 13.703.241 đồng và lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 31/8/2018) là 30.939.380 đồng. Tổng cộng 44.642.621 đồng. Ngoài ra, ông S còn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại "Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D" do Ngân hàng D phát hành.

- Bị đơn ông N.H.S: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn ông N.H.S không thực hiện đúng thỏa thuận tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" và "Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D" được Ngân hàng D phê duyệt ngày 27/12/2010. Nguyên đơn Ngân hàng D khởi kiện bị đơn ông N.H.S là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP D khởi kiện bị đơn ông N.H.S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ACB-MasterCard theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" và "Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D" được Ngân hàng D phê duyệt ngày 27/12/2010, nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005.

[1.2]. Về thẩm quyền:

Theo kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: "Ông N.H.S, sinh năm 1967, có hộ khẩu thường trú tại số a, đường b, Phường N, Quận 3 và thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên. Ông S là con của chủ hộ tại địa chỉ trên".

Do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông N.H.S đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3]. Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: "Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực này mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết"

Do "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" và "Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D" được Ngân hàng D phê duyệt ngày 27/12/2010 và tranh chấp phát sinh kể từ ngày 05/02/2013 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/11/2010" được Ngân hàng D phê duyệt ngày 27/12/2010 thì giữa chủ thẻ là ông N.H.S và bên phát hành thẻ là Ngân hàng D có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ACB-MasterCard Standard, với hạn mức sử dụng là 18.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D. Từ khi ông S sử dụng thẻ đến nay, lãi suất là 25,8%năm.

Theo các Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng và Bảng kê tính lãi của khách hàng N.H.S, có số thẻ 5459681610001069 do Ngân hàng D cung cấp thì ông S kích hoạt thẻ vào ngày 05/01/2011 và bắt đầu sử dụng thẻ cho đến 21/01/2013 và có thanh toán đều cho Ngân hàng D đến 05/01/2013 thì ngưng thanh toán. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán cũng như không có thiện chí trả nợ, ngày 18/02/2013 Ngân hàng D đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Thời gian chốt các giao dịch thực hiện trong tháng là vào ngày 20 hàng tháng. Thời gian từ ngày 05/01/2011 đến 21/01/2013, ông S đã sử dụng thẻ để rút tiền mặt là 33.000.000 đồng, giao dịch thanh toán bằng thẻ là 5.924.000 đồng và đã thanh toán được cho Ngân hàng D số tiền là 30.950.000 đồng. Đối với lãi quá hạn của ông S được tính theo từng thời kỳ theo quy định tại khoản 5.5 Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D, cụ thể: Lãi quá hạn từ ngày 14/11/2011 đến ngày 11/6/2017 là 38,7%/năm; từ ngày 12/6/2017 đến ngày 01/02/2018 là 43,5%. Nay, Ngân hàng D yêu cầu ông S phải thanh toán cho Ngân hàng D số tiền 44.642.621 đồng, trong đó nợ gốc là 13.703.241 đồng, nợ lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 31/8/2018) là 30.939.380 đồng. Ngoài ra, ông S còn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại "Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D" do Ngân hàng D phát hành đính kèm thẻ tín dụng. Ông S phải trả nợ cho Ngân hàng D theo thứ tự sau: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;…"

Tại điểm e, f khoản 12.1 Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D quy định: "*...thanh toán cho Ngân hàng D tất cả các giao dịch thẻ được thực hiện bằng thẻ của chủ thẻ...thanh toán số dư nợ đúng hạn cho Ngân hàng D....*".

Tại Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "1. *Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*".

Tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*.

Tại điểm a khoản 5.4 Điều 5, khoản 10.1 Điều 10 Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng D quy định: "*Nếu chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư nợ cuối kỳ trước ngày thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu, Chủ thẻ sẽ được miễn toàn bộ tiền lãi nói trên (không áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt)... Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh*

toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng D sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo yêu cầu của Ngân hàng D".

Ngân hàng D đã thực hiện việc thông báo chuyển nợ quá hạn cho ông N.H.S nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của Ngân hàng D yêu cầu Tòa buộc ông S phải thanh toán cho Ngân hàng D số tiền 44.642.621 đồng, trong đó nợ gốc là 13.703.241 đồng, nợ lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 31/8/2018) là 30.939.380 đồng, là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP D:

Buộc bị đơn ông N.H.S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền là 44.642.621 (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm hai mươi mốt) đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó nợ gốc là 13.703.241 đồng, nợ lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 31/8/2018) là 30.939.380 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N.H.S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/11/2010" được Ngân hàng D phê duyệt ngày 27/12/2010 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N.H.S phải chịu 2.232.131 (Hai triệu hai trăm ba mươi hai ngàn một trăm ba mươi mốt) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP D số tiền 1.003.187 (Một triệu không trăm lẻ ba ngàn một trăm tám mươi bảy) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020039 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông N.H.S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phượng